

GỖ CỨNG PENNSYLVANIA



HƯỚNG DẪN KHÁCH HÀNG

GỖ CỨNG PENNSYLVANIA

HƯỚNG DẪN KHÁCH HÀNG

GỖ SỒI ĐỎ

MỤC LỤC:

GIỚI THIỆU CHUNG

Rừng Pennsylvania	1-2
Câu chuyện về Pennsylvania	3-6
Văn hoá kinh doanh Hoa Kỳ	6-7

THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI GỖ

9-20

THÔNG TIN CƠ BẢN CHO KHÁCH HÀNG

Thuật ngữ	21-23
Biểu đồ chuyển đổi	24-28
Kích thước gỗ xẻ	29-30

HỆ THỐNG CHỨNG CHỈ

31-32

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

33-34

THỦ TỤC VẬN CHUYỂN

Thông tin về đóng hàng công-ten- nơ	35-36
Hun trùng	36
INCOTERMS	36-49

TIÊU CHUẨN RFQ

51-53

CÁC NHÀ TÀI TRỢ

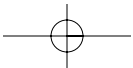
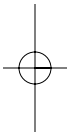
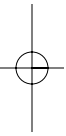
54-56

Ghi chú:





GIỚI THIỆU CHUNG



GỖ THÍCH MỀM



Rừng Pennsylvania

Hiện nay rừng gỗ cứng đang chiếm ưu thế tại Pennsylvania. Pennsylvania có 16,7 triệu mẫu Anh đất rừng nên thừa khả năng đáp ứng nhu cầu của cư dân cả trong vùng và bên ngoài vùng. Kết quả của việc thực hiện cam kết quản lí và bảo tồn rừng bền vững ở Pennsylvania là việc có được các sản phẩm gỗ đạt tiêu chuẩn chất lượng toàn cầu, cơ hội giải trí thư giãn trong rừng, vẻ đẹp tự nhiên, nguồn nước sạch, không khí trong lành và môi trường sống lành mạnh cho nhiều loại động thực vật và chim cá. Các loài gỗ Anh đào đen, Sồi, Thích và các loài khác dùng để sản xuất ván sàn, tủ, gờ trang trí và đồ nội thất đến từ vùng được xem là rốn gỗ của Pennsylvania.

Gần 70% đất rừng Pennsylvania thuộc sở hữu tư nhân. Đất công do Cục Bảo tồn Tài nguyên Thiên nhiên, Ủy ban Bảo tồn Các Loài Động vật Hoang dã Pennsylvania và Sở Lâm nghiệp của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ quản lí chiếm phần lớn diện tích đất rừng. Các khoảnh rừng công rộng lớn là nơi hội tụ các loài cây trồng lấy gỗ được phân bố xen kẽ cùng với diện tích đất tư nhân trên khắp vùng phía Bắc của bang. Vùng Tây Bắc và Trung Bắc của bang, đặc biệt là diện tích bao quanh Rừng Quốc gia Allegheny, nổi tiếng trên toàn thế giới với tên gọi “Thủ đô cây Anh đào đen của thế giới”. Nơi này cung cấp gỗ Anh đào đen chất lượng cao. Các loại gỗ cứng khác như Sồi đỏ phương Bắc, Sồi trắng, Thích đỏ, Thích cứng, Xoan đào, Dương, Tần bì và Mạ châu sinh trưởng và được khai thác trên khắp Pennsylvania.

Các số liệu điều tra cho thấy một cấu trúc rừng bền vững với ưu thế vượt trội của cây gỗ lớn có giá trị kinh tế và sinh thái. Khối lượng gỗ vẫn tiếp

tục tăng lên trong khi hoạt động khai thác gỗ và quản lí rừng đã và đang là một trong những ngành công nghiệp sản xuất chủ đạo của bang. Nguồn nguyên liệu thô có giá trị này đã tạo ra 82.000 công ăn việc làm và 17 tỉ đô la trong hoạt động kinh tế hàng năm.

Pennsylvania dẫn đầu phong trào

Pennsylvania đã và đang đi đầu trong phong trào cấp chứng chỉ nhằm đảm bảo sự bền vững của các khu rừng đẹp và có giá trị này cho các thế hệ mai sau. Trên 2,5 triệu mẫu Anh đất rừng của Pennsylvania đã được cấp Chứng chỉ của Hội đồng Quản lí Rừng Quốc tế (FSC). Nhiều diện tích rừng khác đã được cấp chứng chỉ của các chương trình “Sáng kiến Lâm nghiệp Bền vững”, chương trình “Hệ thống Trang trại Cây xanh Hoa Kỳ”, chứng chỉ năng lượng tái tạo Green Tag và các hệ thống chứng chỉ khác do các chủ đất công và tư đạt được thông qua phương thức quản lí của mình.

Tập đoàn Tiêu thụ Gỗ cứng Allegheny, Inc. (AHUG) là tổ chức trợ giúp ngành công nghiệp gỗ cứng ở vùng Bắc trung tâm và Tây bắc của bang. Tập đoàn này đóng góp cho sự phát triển kinh tế của ngành công nghiệp gỗ dựa trên nguồn tài nguyên rừng bền vững. AHUG cung cấp các dịch vụ về tiếp thị, phát triển chuyên môn, kỹ thuật, các cơ hội đào tạo cũng như thực hiện các hoạt động pháp lý và tranh tụng khi cần thiết và được điều hành bởi các hội viên. AHUG hợp tác chặt chẽ với các cơ quan hữu quan của tiểu bang, liên bang, học viện, ngân hàng, các ngành và khối tư nhân nhằm khuyến khích sự tăng trưởng kinh tế trong ngành công nghiệp gỗ cứng.

Câu chuyện Pennsylvania

Rừng Pennsylvania đa dạng và mang tính di sản, và là sự phản chiếu lịch sử của bang. Các tác động của tự nhiên và con người đã in dấu vào rừng từ thuở hoang sơ. Thiên nhiên, những người Mỹ bản xứ, những người di cư đầu tiên và những người hiện đại đã và đang làm thay đổi và tác động đến rừng.

Trong khoảng từ năm 1880 đến 1920, rừng cây độc cần và xoan đào chiếm ưu thế ở Pennsylvania bị chặt trắng để làm trang trại và cung cấp vật liệu xây dựng để kiến thiết đất nước. Tiếng chuông cảnh báo về sự mất rừng đã được các nhà bảo tồn thiên nhiên đầu tiên gióng lên. Lời cảnh báo này đã giúp cho việc hình thành một mô hình sử dụng và bảo vệ tài nguyên hợp lý hướng đến tương lai, quản lý một cách khoa học, khai thác bền vững, bảo tồn động vật hoang dã và quản lý sử dụng đa mục đích; và mô hình này vẫn được sử dụng cho đến ngày nay. Tinh thần đó đã đem đến sự cải thiện đáng kể cho rừng và động vật hoang dã hiện nay so với thế kỷ trước và nó vẫn tiếp tục tiến triển tích cực. Tất cả điều này diễn ra khi dân số đang tiếp tục tăng và nhu cầu về đất đai là rất lớn.

Rừng Pennsylvania đã phục hồi tích cực trước những nỗ lực bảo tồn và bảo vệ kịp thời. Việc quản lý đất dựa trên khái niệm “quản lý tài nguyên tổng thể” bao gồm cả các yếu tố kinh tế, xã hội và sinh học. Các biện pháp lâm sinh chú ý đến tính đa dạng của loài và độ tuổi của cây và tính đa dạng này có thể đạt được thông qua các quá trình tái sinh tự nhiên. Pennsylvania đang quảng bá các lợi thế kinh tế và sinh thái mà hoạt động quản lý rừng hợp lý đem lại.

Do kết quả của việc khai thác thâm canh ở đầu thế kỷ, Pennsylvania bây giờ có thể tự hào về những khu rừng gỗ cứng đẹp nhất thế giới. Rừng Pennsylvania có hơn 70 loài cây lấy gỗ, các loài nổi tiếng và chiếm phần lớn là Thích đỏ, Anh đào đen, Sồi đỏ phương Bắc, Thích ngọt, Sồi dẻ, Dương vàng, Sồi trắng và Tần bì. Các loài gỗ mềm bao gồm Độc cần phương Đông, Thông trắng và Thông đỏ.

Tính bền vững

Tính bền vững và chất lượng cao song hành cùng nhau. Pennsylvania có số lượng cây gỗ cứng mọc thành quần thể lớn nhất nước với tỷ lệ sinh trưởng gấp đôi mức độ khai thác hiện tại. Tỷ lệ khai thác xấp xỉ 1% tổng lượng gỗ của bang. Các nhà quản lý đất sử dụng nhiều biện pháp lâm sinh khác nhau để đảm bảo sự tái sinh và chất lượng của rừng.

Gỗ chất lượng cao, nguồn lâm sản và sự cân bằng giữa sở hữu nhà nước và tư nhân đã tạo nên điều kiện ổn định và động cơ kinh tế trong việc quản lý thích hợp và duy trì lâu dài rừng Pennsylvania.

Sự sẵn có

Các chủ đất Pennsylvania có nhiều mục tiêu sử dụng đất khác nhau. Khoảng 25 % rừng Pennsylvania thuộc Chính phủ, bao gồm cả Chính phủ bang và Liên bang. Rừng quốc gia Allegheny nằm ở vùng Tây Bắc của bang, có diện tích 500.000 mẫu Anh là thuộc sở hữu Liên bang. Rừng Quốc gia Allegheny, đất rừng của tư nhân và của chính phủ bang xung quanh Rừng Quốc gia là cái nôi của những loài gỗ cứng Anh đào đen nổi tiếng trên thế giới, với biệt danh được cả thế giới biết đến “Thủ đô Anh đào đen của thế giới”. Ngoài ra, rừng của bang Pennsylvania bao gồm 2,1 triệu mẫu Anh và

thêm 1,1 triệu mẫu Anh nữa do Ủy ban bảo tồn các loài động vật hoang dã của Pennsylvania quản lí. Diện tích đất công này được quản lí cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau. Vì vậy, không phải toàn bộ khu rừng đó đều phục vụ cho khai thác gỗ. Phần lớn rừng được bảo tồn về các giá trị về tự nhiên và hoang dã.

Sự sẵn có và chu kỳ thời gian

Các chủ sở hữu đất tư nhân chiếm phần lớn quyền sở hữu đất ở bang Pennsylvania. Trong khi nhiều chủ đất quản lí rừng để khai thác gỗ, nhiều người khác thì không. Điều này tạo nên một động lực cạnh tranh không dễ gì bị thay đổi hoặc đoán trước được, và thường làm các khách hàng quốc tế cảm thấy khó hiểu. Giá của gỗ cứng Pennsylvania không chỉ được xác định bởi cung và cầu trên thị trường đối với các loài đặc hữu, mà còn phụ thuộc vào sự sẵn có của nguyên liệu thô tại thời điểm đó. Chất lượng, sự sẵn có và số lượng có thể khác biệt ở các vùng của bang. Điều này tạo nên nhiều mức giá khác nhau của gỗ thô và gỗ xẻ. Do các cách thức mua bán này và các yếu tố thị trường khác, sự sẵn có và vòng quay thời gian cung cấp gỗ có thể bị ảnh hưởng. Ngành công nghiệp lâm sản Pennsylvania luôn tính đến các yếu tố này khi đưa ra các cam kết về cung cấp sản phẩm.

Quản lí và cung cấp sản phẩm trong tương lai

Pennsylvania tiếp tục dẫn đầu trong công tác bảo tồn. Nhờ việc cấp các chứng chỉ rừng từ trước đó, bang hiện có một lượng lớn đất rừng được quản lí theo các hệ thống quản lí rừng bền vững. Các chứng chỉ cơ bản được cấp thông qua

FSC (Hội đồng Quản lí Rừng Quốc tế), SFI (Sáng kiến lâm nghiệp bền vững) và các hệ thống khác nhỏ hơn như Trang trại Cây xanh, và hệ thống sản xuất ISO cũng được sử dụng.

Giới thiệu về văn hóa kinh doanh Hoa Kỳ

Văn hoá kinh doanh Hoa Kỳ có tính đa dạng giống như sự đa dạng về chủng tộc. Là một đất nước của những người nhập cư, văn hóa Hoa Kỳ có tính cục bộ và chủng tộc mạnh mẽ. Khi bạn chuẩn bị viếng thăm Hoa Kỳ, các điểm sau đây về văn hóa kinh doanh của Hoa Kỳ có thể giúp ích cho bạn.

Sự đúng hẹn: Xin hãy đúng giờ đối với cuộc hẹn của bạn. Đây là quy tắc rất quan trọng của văn hóa kinh doanh. Nếu hoàn cảnh làm bạn chậm trễ, khi đó hãy gọi đến công ty và thông báo sự chậm trễ của bạn.

Chào hỏi: Các cuộc gặp gỡ làm ăn bắt đầu và kết thúc bằng cái bắt tay mạnh mẽ. Đất nước Hoa Kỳ được hình thành trên nguyên tắc bình đẳng. Bạn nên bắt tay với cả đối tác nam và nữ. Sự giao tiếp bằng mắt nên được duy trì trong khi bắt tay và khi nói chuyện. Sự trao đổi danh thiếp là hoạt động bình thường. Chúng có thể được trao trong khi chào hỏi hoặc cuối cuộc gặp gỡ. Người Mỹ sử dụng danh thiếp để tạo cơ sở giao tiếp trong tương lai.

Giới thiệu: Chú ý lắng nghe cách phát âm tên người. Nhắc lại tên của đối tác của bạn là một cách thể hiện sự chân thành. Gọi tên đồng nghiệp người Mỹ của bạn với danh xưng, như “Mr.,” “Ms,” “Mrs.” “Dr.” kết hợp với Họ. Nhiều người Mỹ yêu

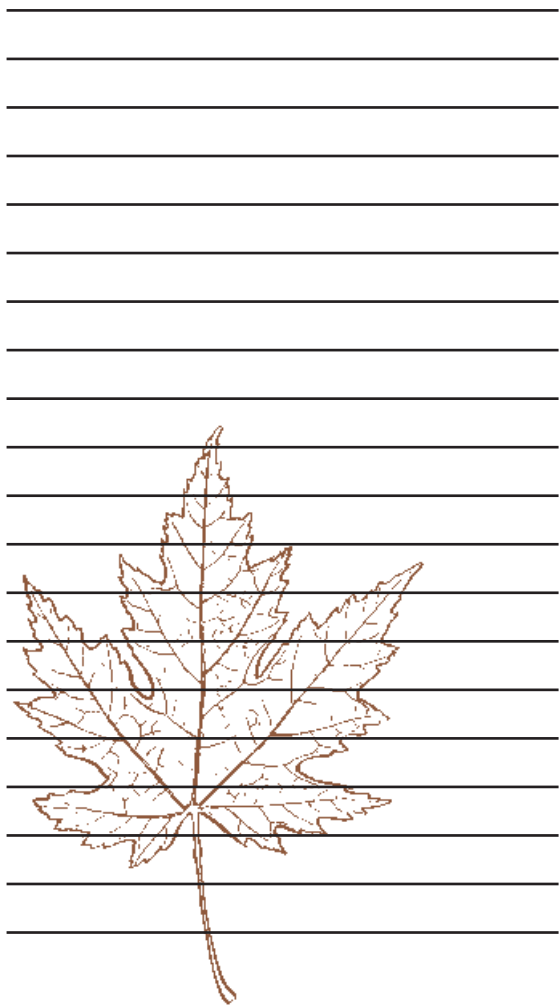
cầu bạn gọi họ bằng tên riêng. Điều này không nói lên sự thân quen mà phản ánh phong cách thoải mái của người Mỹ. Hãy sẵn sàng để bắt đầu cuộc gặp gỡ làm ăn bằng các câu chuyện phiếm. Điều này tạo nên một không khí thoải mái trước khi bắt đầu nói đến các vấn đề kinh doanh.

Cơ cấu của các công ty Hoa Kỳ: Cơ cấu của các công ty Hoa Kỳ không giống nhau, nó tùy thuộc vào lĩnh vực hoạt động và lịch sử của công ty đó. Chuỗi thứ bậc quyền lực của các công ty Hoa Kỳ rất quan trọng trong việc ra quyết định và nó không phụ thuộc vào các quan hệ cá nhân.

Đàm phán kinh doanh: Với người Mỹ, mục tiêu của đàm phán kinh doanh là ký kết được hợp đồng. Quá trình đàm phán được xem như là việc giải quyết các vấn đề để đem lại lợi ích cho cả hai bên. Trong quá trình đàm phán, điều quan trọng là biết được thứ bậc và chức vụ của các đồng nghiệp Mỹ. Quyết định cuối cùng do người có thứ bậc cao nhất đưa ra. Việc sử dụng phiên dịch trong quá trình đàm phán có thể làm cho lời nói của bạn thêm phần trọng lượng và góp phần vào thành công. Trong khi đàm phán, đối tác Hoa Kỳ của bạn luôn mong muốn bạn tuân thủ các chính sách của công ty và các quy định của pháp luật.

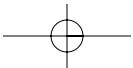
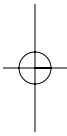
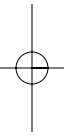
Để biết thêm thông tin, xin vào trang thông tin điện tử www.one-planet.net hoặc gọi điện thoại số +1-1.412.632.1070.

Ghi chú:





THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI GỖ



GỖ MẠI CHÂU





GỖ TÀN BÌ

Vân gỗ thẳng, dát gỗ có màu từ nhạt đến gần như trắng, gỗ lõi có màu sắc đa dạng từ nâu xám đến nâu nhạt hoặc vàng nhạt sọc nâu. Mặt gỗ thô đều. Tàn bì có khả năng chịu máy tốt, độ bám ốc, bám đinh và dính keo tốt và có thể nhuộm màu được.

CÔNG DỤNG:

Cung tên • Tay cầm của các loại dụng cụ • Gậy bóng chày • Gậy khúc côn cầu • Gậy chơi bi-a • Ván trượt tuyết • Mái chèo • Đồ gỗ trong kiến trúc và Gờ trang trí • Tủ • Ván lát ốp • Củi đốt



GỖ ĐOẠN

Gỗ Đoạn có mặt gỗ đẹp, phẳng và vân gỗ thẳng gần như ẩn. Dát gỗ có màu trắng kem, và gỗ lõi có màu nhạt đến màu nâu đỏ; đôi chỗ có các sọc sẫm hơn. Gỗ Đoạn dễ gia công bằng máy và công cụ thủ công; rất hợp cho chạm khắc. Gỗ Tàn bì ít bị biến dạng khi sấy, và có thể được nhuộm màu và đánh bóng để thành thành phẩm tốt.

CÔNG DỤNG:

Gỗ chạm khắc • Gỗ tiện • Mẫu hình trang trí
• Khung cửa • Đồ nội thất • Gờ trang trí & Đồ gỗ
trong kiến trúc • Rèm & Cửa chớp • Nhạc cụ • Hộp



GỖ BULÔ

Gỗ Bulô dễ sử dụng và giá cả hợp lí nên rất thích hợp trong sản xuất hàng mỹ nghệ. Gỗ Bulô vàng có dát gỗ màu trắng, gỗ lõi có màu nâu nhạt đến nâu đỏ. Gỗ Bulô thường có vân gỗ thẳng với một vài đường cong gọn sóng và có khả năng nhuộm màu cực tốt.

CÔNG DỤNG:

Đồ mỹ nghệ • Đồ chơi • Tăm & Dụng cụ cạo lưỡi
• Đồ nội thất cao cấp • Bột giấy • Đồ nội thất • Đồ
gỗ trong kiến trúc và Ván lát ốp • Tủ bếp



GỖ ANH ĐÀO

Anh đào là loại gỗ nặng, cứng, có khả năng uốn cong tốt, độ bền thấp, có khả năng chịu lực và va đập trung bình. Vân gỗ thẳng, mặt gỗ mịn như sa tanh, có thể có lõi nâu và các túi nhựa. Gỗ lõi có màu sắc đa dạng từ đỏ đậm đến nâu đỏ. Gỗ càng

già và càng tiếp xúc với ánh sáng thì màu càng đậm. Dát gỗ có màu trắng kem. Gỗ Anh đào có khả năng chịu máy tốt, độ bám đinh và keo tốt khi nhuộm màu. Loại gỗ này có tính chất co rút trung bình, nhưng rất ít biến dạng sau khi sấy.

CÔNG DỤNG:

Đồ nội thất tinh xảo • Tủ • Ván lát ốp • Ván sàn
 • Cửa cái • Đồ nội thất trên thuyền • Nhạc cụ
 • Gờ trang trí và Đồ gỗ trong kiến trúc • Gỗ tiện và Chạm khắc



GỖ THÍCH CỨNG

Gỗ cứng, nặng và có độ bền cao. Loại gỗ này có khả năng kháng mài mòn cao. Chậm khô với độ co rút khi sấy cao, có khả năng uốn cong bằng hơi nước tốt. Dát gỗ có màu trắng kem và gỗ lõi có nhiều màu từ nâu hơi đỏ nhạt đến đậm. Cả dát gỗ và gỗ lõi có thể có vết tuỷ. Vân gỗ thường thẳng, nhưng cũng có thớ cong, mắt chim các kiểu. Nó có thể được nhuộm màu để tạo ra thành phẩm đẹp.

CÔNG DỤNG:

Ván sàn (bao gồm cả phòng khiêu vũ và tập thể thao) • Mặt bàn và Thớt thái thịt • Cầu thang • Đồ nội thất • Cửa cái • Tay vịn • Đồ dùng nấu bếp • Tủ • Gờ trang trí và Đồ gỗ trong kiến trúc • Ván lát ốp • Đồ chơi



GỖ MẠI CHÂU

Gỗ Mại châu là loại gỗ nặng nhất trong các loại gỗ cứng ở Mỹ. Nó dẻo và đàn hồi, có khả năng chịu lực và va đập tốt. Dát gỗ màu trắng, với các đường nâu nhỏ, gỗ lõi có màu từ nâu nhạt đến nâu đỏ. Đây là loại gỗ có bề mặt thô, vân gỗ mịn, thường thẳng, nhưng đôi khi lượn sóng hoặc không có quy luật. Do là gỗ nặng nhất, nên gỗ Mại châu khó gia công bằng máy và các dụng cụ thủ công, độ bám keo không tốt. Nó có xu hướng nứt khi đóng đinh hoặc bắt vít, vì thế nên khoan định vị trước khi đóng đinh và vít.

CÔNG DỤNG:

Tay cầm các loại dụng cụ • Đồ nội thất và Tủ
• Ván sàn và Ván lát ốp • Thang gỗ • chốt • Các mặt hàng thể thao



GỖ DƯƠNG

Gỗ cứng, nặng. Gỗ Dương có lực và tính ổn định thuộc loại tuyệt vời với khả năng kháng va đập tốt, có thể uốn cong và chịu nén thấp. Gỗ Dương ít nứt khi đóng đinh và có độ bám sơn và nhuộm màu tốt. Dát gỗ có màu trắng kem và có thể có

đường sọc. Gỗ lõi đa màu sắc từ nâu vàng nhạt đến xanh ôliu, sẫm dần và chuyển sang màu nâu khi bị ánh sáng tác động. Gỗ Dương có vân gỗ thẳng với mặt gỗ tương đối phẳng và mịn.

CÔNG DỤNG:

Công trình xây dựng có kết cấu nhẹ • Nhạc cụ
• Ván phủ ngoài • Ván dán cạnh • Cửa cái • Đồ nội thất và Tủ • Ván lát ốp • Gờ trang trí và Đồ gỗ trong kiến trúc • Gỗ tiện và Chạm khắc



GỖ SÒI ĐỎ

Sồi đỏ có dát gỗ từ màu trắng đến nâu nhạt và gỗ lõi có màu hồng đến nâu đỏ. Gỗ Sồi đỏ có bề mặt tương tự gỗ Sồi trắng, nhưng có đốm hình không rõ do các tia gỗ bé hơn. Vân gỗ thẳng và mặt gỗ thô. Gỗ Sồi đỏ cứng và nặng, có khả năng uốn cong, chịu lực và chịu mài mòn tốt, độ bền khá. Dễ gia công bằng máy và uốn cong bằng hơi nước. Nên khoan trước khi đóng đinh và bắt vít. Nó có thể nhuộm màu để tạo ra thành phẩm tốt.

CÔNG DỤNG:

Ván lát ốp • Hộp nữ trang • Đồ nội thất và Tủ
• Ván sàn • Đồ gỗ trong kiến trúc và Gờ trang trí
• Cửa cái



GỖ THÍCH MỀM

Gỗ Thích mềm có độ cứng thấp hơn 25% so với gỗ Thích cứng. Dễ gia công bằng máy, có lực uốn xoắn và lực nén trung bình, độ bền thấp và có khả năng chịu va đập. Dát gỗ có màu trắng hơi xám, đôi khi có những vết tuỷ lốm đốm màu sẫm. Gỗ lõi có màu nâu đỏ nhạt đến sẫm. Loại gỗ này có vân gỗ thẳng và có thể nhuộm màu để tạo ra thành phẩm tốt. Gỗ khô chậm và ít bị biến dạng khi sấy. Gỗ này thường được thay thế cho gỗ Thích cứng và có thể nhuộm màu để giống các loại gỗ cứng khác như gỗ Anh đào. Do những đặc tính ứng dụng và vật lý của gỗ Thích mềm, nên nó có thể thay thế cho gỗ xoan đào.

CÔNG DỤNG:

Đồ nội thất • Ván lát ốp và đồ gỗ trong kiến trúc
 • Tủ bếp • Gờ trang trí • Cửa cái • Nhạc cụ • Gỗ tiện



GỖ ÓC CHÓ

Là loài gỗ cứng trung bình và bền, thường được sử dụng để làm nền với các loại gỗ có màu nhạt hơn. Loại gỗ này dễ gia công bằng máy và các dụng cụ thủ công, ổn định về kích thước, có thể chịu lực uốn xoắn và nén trung bình. Vân gỗ thường thẳng,

tuy vậy, vẫn có những vân gợn sóng và cong. Gỗ Óc chó có nhiều đốm hình hơn các loại gỗ cứng khác. Dát gỗ có màu trắng kem và gỗ lõi có màu từ nâu nhạt đến nâu sẫm, đôi khi có sắc màu tía và các vệt sẫm hơn. Gỗ này sẽ chuyển thành màu rỉ đồng, và càng để lâu thì càng bóng.

CÔNG DỤNG:

Bảng súng • Đồ nội thất • Tủ • Ván lát ốp • Ván sàn • Cửa cái • Đồ gỗ dùng trong kiến trúc.



GỖ SÒI TRẮNG

Sồi trắng là loại gỗ nặng và cứng, có khả năng kháng ma sát tốt và có thể nhuộm màu để tạo ra nhiều thành phẩm khác nhau. Thường có vân gỗ thẳng, có khả năng chịu máy tốt và dễ uốn cong bằng hơi nước. Dát gỗ có màu nhẹ, gỗ lõi có màu nâu nhạt đến nâu sẫm. Mặt gỗ thô vì tia gỗ dài hơn, tạo nên nhiều đốm hình hơn so với gỗ Sồi đỏ. Vì nó dễ phản ứng với sắt, do vậy, nên sử dụng đinh mạ kẽm. Gỗ khô chậm và có thể nhuộm màu để tạo thành các gam màu khác nhau.

CÔNG DỤNG:

Ván đóng thùng rượu • Hộp nữ trang • Tủ • Ván lát ốp • Đồ nội thất • Ván sàn • Cửa cái • Gờ trang trí • Đồ gỗ dùng trong kiến trúc



Gỗ được khai thác từ các khu rừng ở Pennsylvania



Gỗ tròn được chuyển bằng goòng và xếp đồng để chế biến thành gỗ xẻ ở các xưởng ở Pennsylvania.



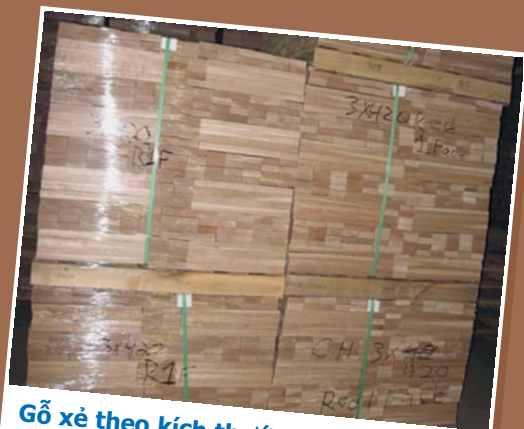
**Khi vào xưởng, gỗ tròn
được bóc vỏ.**



Chế biến gỗ tròn/hộp thành gỗ xẻ.



**Gỗ xẻ được cắt ngắn và được hong
phơi tự nhiên hoặc được sấy và
đóng palet để vận chuyển.**



**Gỗ xẻ theo kích thước được phân loại
theo chiều dài và chiều rộng và được
đóng palet để vận chuyển.**



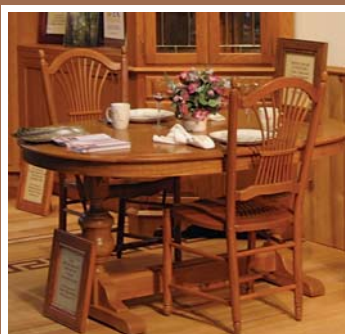
**Gỗ tròn được dán nhãn, ghi rõ
chiều dài, đường kính và board
foot trước khi vận chuyển.**



**Gỗ tròn được đóng trong công-ten-nơ
để vận chuyển.**



**Gỗ cứng Pennsylvania được dùng để
sản xuất thành nhiều loại sản phẩm
đẹp nhất thế giới...**



**...với chất lượng
vĩnh cửu.**



THÔNG TIN CHUNG CHO KHÁCH HÀNG

GỖ ANH ĐÀO



Thuật ngữ dùng cho sản phẩm gỗ

Mắt chim — Diện tích hình tròn hoặc hình elip tương tự mắt chim ở mặt cắt trên của gỗ được hình thành từ các đường đi tự nhiên của sợi gỗ. Mắt chim thường được tìm thấy ở gỗ Thích đường và được dùng cho mục đích trang trí; mắt chim hiếm gặp ở chủng loại gỗ khác.

Board foot — Đơn vị đo lường của gỗ xẻ, tương đương với thể tích một thanh gỗ xẻ có kích thước dài 1ft, rộng 12in và dày 1in.

Ván tấm — Gỗ xẻ có chiều rộng tối thiểu là 2 in và bề dày không quá 2 in. Loại ván tấm có chiều rộng nhỏ hơn 6 in. cũng được gọi là thanh gỗ.

Cong vênh — Một dạng cong của gỗ; độ vênh của thanh gỗ nhìn thấy theo chiều dài tấm ván.

Gờ (quảng) — Chồi cây, có dạng hình tròn hoặc gần tròn, thường do sự mọc đan nhau của các chồi cây tạo ra. Gỗ có gờ thường được sử dụng để sản xuất ván lạng trang trí.

Sạch — Dùng để chỉ gỗ xẻ không có lỗi trên bề mặt cắt.

Mặt trong — (*Tương tự ta có Cạnh trong hoặc Cạnh kín*) Bề mặt của ván lạng không tiếp xúc với dao trong quá trình lạng ván, do đó không có vết khứa do dao tạo ra.

Cạnh trong (Mặt trong, Cạnh kín) — Bề mặt ván lạng không tiếp xúc với dao trong quá trình bóc hoặc lạng, do đó không có vết khứa do dao tạo ra.

Lõi của gỗ — Bất kỳ chi tiết khác thường nào ở gỗ làm giảm độ bền, loại gỗ, giá trị hoặc tính năng sử dụng của nó.

Mặt — hoặc là cạnh hoặc là bề mặt của gỗ dán. Mặt nào của gỗ dán đẹp hơn thì gọi là bề mặt, mặt bên kia được gọi là mặt sau.

Ván sợi — Sản phẩm dạng tấm được sản xuất hoàn toàn hoặc một phần từ sợi gỗ nguyên thủy.

Ván bìa — Phần ván xẻ mặt ngoài của gỗ tròn và thường có 2 mặt trở lên. Khi được xẻ lại thành gỗ xẻ, mạch xẻ sẽ được đặt vuông góc với mặt rộng của nó. Hoặc, nó có thể được lạng hoặc xẻ thành ván lạng, trong trường hợp này các tấm ván mỏng được tạo ra nằm song song với mặt gia công và nó được gọi là ván bìa.

Loại — Là thứ bậc chất lượng của gỗ tròn, hoặc của sản phẩm gỗ, ví dụ như gỗ xẻ, ván lạng, hoặc ván ô.

Gỗ lõi — Phần lõi ở giữa thân cây. Tại một thời điểm phát triển nào đó thì gỗ lõi là dát gỗ, nhưng ngay sau đó nó không dẫn nhựa cây hoặc tế bào sống nữa. Ở hầu hết các loài thì gỗ lõi có màu sẫm hơn.

Sấy (hoặc sấy khô) — Một buồng nhiệt dùng để sấy gỗ xẻ, ván lạng, và các loại sản phẩm gỗ khác, trong buồng đó thì nhiệt độ, độ ẩm, và sự tuần hoàn không khí được kiểm soát.

Sấy-Khô — Được sấy khô trong lò sấy đến một độ ẩm nhất định; đối với gỗ làm tủ, giá thì phải đạt tới độ ẩm ít hơn (khô hơn) so với để khô tự nhiên.

Mặt hờ (*cũng được gọi Cạnh hờ*) — Bề mặt của ván lạng mà dao tì vào trong quá trình lạng; có thể có các vết dao trên bề mặt này.

Cạnh hờ (*Cạnh hờ, Mặt hờ*) — Bề mặt của ván mỏng mà dao tì vào trong quá trình bóc hoặc lạng; có thể có các vết dao.

Ván bóc — Ván mỏng được tạo ra do gỗ tròn được cắt xoay theo vòng tròn bằng dao cố định, tạo ra tấm ván mỏng dài liên tục.

Loại tuyển chọn — dùng cho gỗ xẻ của gỗ mềm, gỗ xẻ có bề mặt đẹp nhất được gọi là loại tuyển chọn, loại này thường được phân thành các loại như B và loại tốt hơn, hay loại C và loại D. Đối với gỗ xẻ của gỗ cứng loại tuyển chọn có tiêu chuẩn riêng, xếp ngay sau loại nhất và loại hai, nhưng xếp cao hơn loại thông dụng.

Ván lạng tấm — Ván mỏng được tạo ra từ gỗ tròn hoặc ván bìa đặt vuông góc và tì vào dao cắt cố định.

Nhuộm màu — Sự thay đổi màu sắc tự nhiên của gỗ hoặc sự biến màu do vi sinh vật, kim loại hay hoá chất gây ra. Thuật ngữ này cũng chỉ các vật liệu dùng để tạo màu đặc biệt cho gỗ khi hoàn thiện sản phẩm.

Rạn bề mặt — Các vết nứt xuất hiện từ mặt bên và có thể ăn sâu vào trong.

Gỗ — Gỗ cây có thể sử dụng để làm gỗ xẻ.

Ván lạng — Gỗ cắt lát, bóc vỏ hay cưa xẻ thành từng miếng dày không quá 1/4 in.

Lẹm — Vỏ, hoặc phần gỗ bị khuyết do bất cứ nguyên nhân nào, trên cạnh hoặc góc của thanh gỗ xẻ.

CÁC YẾU TỐ CHUYÊN ĐỒI ĐỐI VỚI SẢN PHẨM GỖ (HỆ ANH THÀNH HỆ MÉT)

Sản phẩm	Đơn vị riêng tiêu chuẩn (của Anh)	Đổi thành	Nhân với	Đổi từ hệ mét sang hệ đo lường Anh, nhân với
Gỗ tròn	MBF	m ³	4,530	0,2208
Gỗ xẻ mềm	MBF	m ³	2,360	0,423729
Gỗ xẻ cứng	MBF	m ³	2,360	0,423729
Ván sàn gỗ mềm	MBF	m ³	2,360	0,423729
	MSF (1")	m ² (Dày 25,4 mm)	92,900	0,0108
Ván sàn gỗ cứng	MBF	m ³	2,360	0,423729
	MSF (1")	m ² (Dày 25,4 mm)	92,900	0,0108
Óp ngoài gỗ mềm	MBF	m ³	2,360	0,423729
	MSF (1")	m ² (Dày 25,4 mm)	92,900	0,0108
Óp ngoài gỗ cứng	MBF	m ³	2,360	0,423729
	MSF (1")	m ² (Dày 25,4 mm)	92,900	0,0108
Đầu nối đường tàu	MBF	m ³	2,360	0,423729

Ván lạng gỗ mềm	MSF (3/8")	m ³	0,885	1,132
		m ² (Dày 9,53 mm)	92,900	0,0108
Ván lạng gỗ cứng	MSF (1/28")	m ³	0,084	11,86
		m ² (Dày ,0907 mm)	92,900	0,0108
Gỗ dán mềm	MSF (3/8")	m ³	0,885	1,132
		m ² (Dày 9,53 mm)	92,900	0,0108
Gỗ dán cứng	MSF (1/4")	m ³	0,590	1,695
		m ² (Dày 6,35 mm)	92,900	0,0108
Ván dăm	MSF (3/4")	m ³	1,770	0,565
		m ² (Dày 19,05 mm)	92,900	0,0108
Dăm gỗ	STN	Tấn hệ mét	0,907	1,102
Khuôn	MFT	Mét	304,8	0,0033
Khác	Đổi từ m ² (chiều dày 25,4 mm)		Thành m ³	Nhân với 0,0254

CÁC YẾU TỐ CHUYỂN ĐỔI KHỐI LƯỢNG

Đơn vị khối lượng	(nhân với)	Đo đạc	(ngang bằng)	Tương đương
Pound (lbs) (tương đương với 0,454 kg)	X	0,45359	=	kg
	X	0,0004536	=	tấn mét hệ (tương đương với 1.000 kg)
	X	0,0004464	=	tấn Anh (tương đương với 1.016,06 kg)
	X	0,0005000	=	tấn Mỹ (tương đương với 907,2 kg)
Kilôgam (kg)	X	2,2046	=	Pound (tương đương với 0,454 kg)
	X	0,001	=	tấn mét hệ
	X	0,000984	=	tấn Anh (tương đương với 1016,06 kg)
	X	0,001102	=	tấn Mỹ (tương đương với 907,2 kg)
Tấn mét hệ (tương đương với 1000 kg)	X	2204,622	=	Pound (tương đương với 0,454 kg)
	X	1000	=	kg
	X	0,9842	=	tấn mét hệ (tương đương với 1.000 kg)
	X	1,1023	=	tấn Mỹ (tương đương với 907,2 kg)

Tán Anh (tương đương với 1016,06 kg)
 X 2242 = Pound (tương đương với 0,454 kg)
 X 1016,04 = kgs
 X 1,01604 = tấn mét hệ
 X 1,12 = tấn Mỹ (tương đương với 907,2 kg)

Tán Mỹ (tương đương với 907.2 kg)
 X 2000 = Pound (tương đương với 0,454 kg)
 X 907,184 = kgs
 X 0,907184 = tấn mét hệ
 X 0,892857 = tấn Anh (tương đương với 1016,06 kg)

TƯƠNG ĐƯƠNG VỀ KHỐI LƯỢNG VÀ THỂ TÍCH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ VẠN CHUYÊN TÀU THUYỀN TÀU QUỠC

Khối lượng Tấn mét hệ (tương đương với 1.000 kg)	Ước tính Ft³	Thể tích M³	Chiếm lb/ft³	Khối lượng riêng kg/m³
1 tấn tải trọng gỗ tròn	40	1,132	55	883
1 tấn tải trọng gỗ xẻ	50	1,416	44	706
1 tấn tải trọng gỗ dán cây gỗ cứng	63	1,784	35	560
1 tấn tải trọng ván dán gỗ cây loài khác	55	1,560	40	640
1 tấn tải trọng gỗ dán ván dăm	55	1,560	40	640
1 tấn tải trọng gỗ dán ván sợi nặng	37	1,050	59	950
1 tấn tải trọng gỗ dán ván sợi nhẹ	118	3,330	19	300

Kích thước gỗ xẻ

KÍCH THƯỚC GỖ CỨNG TIÊU CHUẨN

Gỗ cứng đắt và hiếm, vì thế nó thường được cắt theo chiều rộng và chiều dài để thuận tiện và được lợi, chúng được chọn một cách ngẫu nhiên về chiều dài và rộng. Tuy nhiên, gỗ được cắt thành chiều dài tiêu chuẩn: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16ft. Mặc dầu không có tiêu chuẩn chiều rộng quy định, chiều rộng tối thiểu đặt ra cho mỗi loại được đề cập dưới đây:

Loại một	6in	Loại Tuyến chọn	4in
Loại hai	6in	Số 1, 2, 3A, 3B, Thông dụng	3in

> > >

Gỗ xẻ cứng thường được bán ở Mỹ theo các độ dày tiêu chuẩn sau đây:

Kích thước thô	Được bào 1 mặt (S1S)	Được bào 2 mặt (S2S)
3/8"	1/4"	3/16"
1/2"	3/8"	5/16"
5/8"	1/2"	7/16"
3/4"	5/8"	9/16"
1"	7/8"	13/16"
1-1/4"	1-1/8"	1-1/16"
1-1/2"	1-3/8"	1-5/16"
2"	1-13/16"	1-1/34"
3"	2-13/16"	2-3/4"
4"	3-13/16"	3-3/4"

Ghi chú: Hệ thống "một phần tư" được sử dụng phổ biến trong công nghiệp gỗ xẻ cứng khi nói đến chiều dày. 4/4 nói về gỗ dày 1in, 6/4 là gỗ dày 1 – 1/2in, 8/4 là gỗ có chiều dày 2in...v.v. Quy ước này không được sử dụng phổ biến cho gỗ xẻ mềm.





HỆ THỐNG CHỨNG CHỈ

GỖ TÀN BÌ



Hệ thống chứng chỉ rừng

Dành cho những người quan tâm đến sản phẩm đã được cấp chứng chỉ, Pennsylvania có rừng gỗ cứng được cấp chứng chỉ nhiều nhất ở Hoa Kỳ với trên 2,5 triệu mẫu Anh có chứng chỉ FSC. Rừng bang Pennsylvania được cấp chứng chỉ của Hội đồng Quản lí Rừng Quốc tế (FSC). Rừng của nhiều chủ đất khác được cấp chứng chỉ hoặc của FSC hoặc của Tổ chức Sáng kiến Lâm nghiệp Bền vững (SFI) hoặc cả hai. Hệ thống Trang trại Cây xanh và hệ thống sản xuất ISO cũng có mặt tại Pennsylvania. Nhiều công ty không có gỗ thì được chứng nhận quy trình sản xuất (CoC) để sản xuất sản phẩm có chứng chỉ.

Để có ca-ta-lô cung cấp danh sách các nhà cung cấp sản phẩm gỗ cứng có chứng chỉ CoC và chứng chỉ FSC của Pennsylvania hoặc những thành viên của Chương trình Sáng kiến Lâm nghiệp Bền vững, xin hãy liên hệ với Hội đồng Phát triển Gỗ cứng Pennsylvania.

Pennsylvania Hardwoods Development Council Pennsylvania Department of Agriculture

2301 North Cameron Street, Room 308

Harrisburg, PA 17110-9408

Ph: +1-(717) 772-3715

Fx: +1-(717) 705-0663



(Xin lật sang trang)

Chứng chỉ rừng trở thành một công cụ quan trọng để đánh giá sự bền vững của rừng. Có nhiều hệ thống chứng chỉ khác nhau và khó có thể so sánh giữa các hệ thống chính bởi vì mỗi hệ thống có tiêu chuẩn khác nhau, nhưng vẫn có một vài điểm có thể so sánh được:

Ma trận so sánh trực tuyến của hệ thống chứng chỉ rừng

(Liên minh Ngành công nghiệp giấy Châu Âu)
<http://www.forestrycertification.info/>

Tập trung vào sự giống nhau của các chứng chỉ để thúc đẩy quản lí rừng bền vững.

(Hiệp hội Lâm sản Canada)

http://www.fpac.ca/en/members/Committees_Task_Forces/Certification/FPACertificationEN-less_resolution.pdf

Ma trận so sánh Chứng chỉ rừng (Metefore)

<http://www.certifiedwoodsearch.org/matrix/matrix.asp>

Chính phủ Vương quốc Anh đã ban hành một bản đánh giá đặc biệt nghiêm ngặt về các hệ thống chứng chỉ rừng được quốc tế công nhận. Bốn hệ thống phù hợp với các tiêu chí của Chính phủ Anh về mặt bền vững và pháp lý là CSA, FSC, PEFC và SFI. Để xem toàn bộ văn bản, xin hãy vào trang thông tin điện tử:

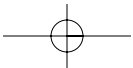
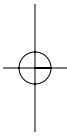
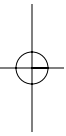
<http://www.proforest.net/cpet/cpet-s-assessment-of-evidence/assessment-of-certification-schemes-category-a>



THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN



GỖ ÓC CHỒ



Phương thức thanh toán

TRẢ TRƯỚC TIỀN MẶT

Khách hàng thanh toán tiền trước khi nhận hàng. Tiền thường được chuyển qua tài khoản ngân hàng hoặc qua thẻ tín dụng. Phương thức này có lợi nhất cho bên bán, và không có lợi cho bên mua.

THƯ TÍN DỤNG (L/C)

Ngân hàng của bên yêu cầu mở tín dụng thư có trách nhiệm thanh toán ngay hoặc thanh toán có kỳ hạn một số tiền cụ thể cho người hưởng lợi, với điều kiện bên bán cung cấp một bộ chứng từ đầy đủ, phù hợp với các điều kiện nêu ra trong tín dụng thư.

Thư tín dụng là cam kết thanh toán của ngân hàng đối với người hưởng lợi ngay cả khi người uỷ quyền không thể trả tiền, với điều kiện các chứng từ được cung cấp đầy đủ. Phương thức này bảo vệ quyền lợi cho cả bên xuất khẩu và bên mua.

- **Thư tín dụng không huỷ ngang:**
Thư tín dụng không được sửa đổi hoặc hủy bỏ nếu như không được sự đồng ý của tất cả các bên. Trường hợp không có quy định khác thì tất cả Thư Tín dụng là không thể huỷ ngang.
- **Thư tín dụng huỷ ngang:**
Là thư tín dụng có thể được thu hồi bất cứ lúc nào trước khi thông báo đến người hưởng lợi. Thông thường Thư tín dụng huỷ ngang không được bên bán chấp nhận và ít khi được sử dụng.

PHƯƠNG THỨC GHI SỔ

Phương thức này cho phép vận chuyển và giao hàng cho bên nhập khẩu trước khi bên nhập khẩu thanh toán cho bên xuất khẩu. Các tài khoản thông thường được mở trong 30, 60 hoặc 90 ngày. Phương thức này có lợi nhất cho bên mua.

NHỜ THU KÈM CHỨNG TỪ

Nhờ thu kèm chứng từ là giao dịch trong đó bên xuất khẩu ủy quyền việc thu tiền cho ngân hàng của mình. Các chứng từ được gửi tới ngân hàng của bên mua cùng với hướng dẫn thanh toán. Tiền được nhận từ bên mua và chuyển cho bên xuất khẩu thông qua các ngân hàng tham gia vào phương thức nhờ thu đối lấy chứng từ này. Bên mua thường có trách nhiệm thanh toán hối phiếu trả ngay hoặc có kỳ hạn vào một ngày được ấn định trong tương lai. Hình thức trả tiền này ít tốn kém nhờ có Thư Tín dụng. Tuy nhiên, bên xuất khẩu sẽ có nhiều rủi ro khi áp dụng phương thức này.





THỦ TỤC VẬN CHUYỂN

GỖ SÒI TRẮNG



Thông tin về đóng hàng công-ten-nơ

Đơn vị Board Foot (BF) được sử dụng để đo gỗ xẻ trong một công-ten-nơ loại tiêu chuẩn 40'

- 13.000 BF – Gỗ Thích, Sồi, Tần bì
- 17.000 BF - Gỗ Dương
- 14.000 BF - Gỗ Anh đào

Trọng lượng thông thường thường chứa 16 kiện của các loại gỗ có kích thước 8', 10' và 12' trong một công-ten-nơ loại 40'.

- Trọng lượng tối đa cho 1 công-ten-nơ loại 40' là 90.000# đối với gỗ tròn và gỗ xẻ.

BF được sử dụng để tính khối lượng gỗ tròn chứa trong một công-ten-nơ tiêu chuẩn 40'

- Khoảng 4.000 BF gỗ tròn có thể xếp vừa một công-ten-nơ tiêu chuẩn 40'. Mặc dầu phụ thuộc vào loài, khối lượng gỗ trong một công-ten-nơ có thể thay đổi nhưng không được vượt quá trọng lượng tối đa là 90.000#. Trọng lượng khác nhau tùy theo loài.
- Gỗ tròn được gắn nhãn. Mỗi cây gỗ tròn được gắn một nhãn. Con số trên nhãn cung cấp các thông tin sau đây về gỗ .
 - Chiều dài
 - Đường kính
 - BF
 - Giá tính cho 1000 BF gỗ
 - Giá gỗ tròn

(Xin lật sang trang)

- Tổng BF và khối lượng gỗ chứa trong công-ten-nơ cùng với tổng giá trị tính bằng đô la của công-ten-nơ.

KÍCH THƯỚC CÔNG-TEN-NƠ:

Cỡ công-ten-nơ	Chiều dài	Chiều rộng	Chiều cao
Loại công 20' thường	234"	92"	102"
Loại công 40' thường	474"	92"	102"
Loại công 20' cao	234"	92"	114"
Loại công 40' cao	474"	92"	114"

Quá trình hun trùng

Quá trình hun trùng gỗ xẻ và gỗ tròn thường được thực hiện ở cảng trước khi công-ten-nơ được xếp lên boong tàu. Các cam kết giao hàng phải được thực hiện trước khi công-ten-nơ đến nơi giao hàng và được điều phối bằng lịch tàu vận chuyển. Bộ để hàng phải đạt tiêu chuẩn ISPM 15 và phải có chứng nhận. Gỗ xẻ phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật từ APHIS. Gỗ xẻ phải được kiểm tra tại chỗ trước khi xếp vào công-ten-nơ. Gỗ xẻ và gỗ tròn phải được khử trùng trong công-ten-nơ. Gỗ xẻ và gỗ tròn sau khi được khử trùng sẽ được cấp giấy chứng nhận. Các công-ten-nơ được niêm phong và xếp lên tàu.

Incoterm

INCOTERM là một bộ các quy tắc thương mại quốc tế được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới, với các quy định về giao nhận hàng hóa. Có 13 INCOTERM về quá trình giao nhận hàng hóa.

Các INCOTERM quy định trách nhiệm của người mua hoặc người bán trong việc trả tiền vận tải, chi phí thủ tục hải quan, bảo hiểm hàng hóa, những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển và thời điểm chuyển giao trách nhiệm về hàng hóa.

Các INCOTERM được lập ra để sử dụng khi giao dịch thương mại toàn cầu và có thể có ảnh hưởng trực tiếp đến yếu tố tài chính của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Những INCOTERM mới nhất được liệt kê trong INCOTERMS phiên bản 2000.

EXW GIAO TẠI XƯỞNG (địa điểm xác định)

Hàng hoá được giao cho bên mua tại một địa điểm xác định, ví dụ giao tại xưởng, nhà máy hay kho hàng. Hàng hoá này không được xếp lên tàu hoặc thông quan cho xuất khẩu. Người bán không hợp đồng để vận chuyển hàng.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

- Lưu kho	- Phí đóng hàng
- Công lưu kho	- Vận chuyển nội địa
- Đóng gói xuất khẩu	- Phí cảng
	- Phí trả cho đại lý vận tải
	- Xếp hàng lên tàu
	- Vận chuyển bằng đường biển/hàng không
	- Phí tại nơi đến
	- Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan
	- Giao hàng tại nơi đến

FCA GIAO CHO NGƯỜI VẬN TẢI

Hàng hoá được bốc dỡ khỏi phương tiện vận tải tại bến tàu của bên bán hoặc một địa điểm xác định, nơi đại lý vận chuyển do người mua chỉ định sẵn sàng để nhận hàng. Bên bán không có nghĩa vụ xếp hàng lên phương tiện vận tải.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

- Lưu kho	- Vận chuyển nội địa
- Công lưu kho	- Phí cảng
- Đóng gói xuất khẩu	- Phí trả cho đại lý vận tải
- Phí đóng hàng	- Xếp hàng lên tàu
	- Vận chuyển bằng đường biển/hàng không
	- Phí tại nơi đến
	- Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan
	- Giao hàng tại nơi đến

Ghi chú: Tuy nhiên, có 2 điều khoản đối với hình thức vận chuyển FCA: Giao tại cơ sở của bên bán, nghĩa là người bán chỉ có trách nhiệm xếp hàng hoá lên và không có trách nhiệm về vận chuyển nội địa; và Giao hàng tại một nơi xác định trong vận tải quốc tế, thì người bán chịu trách nhiệm vận chuyển nội địa.

GHI CHÚ:

FAS GIAO DẠC MẠN TÀU TẠI CẢNG ĐI

Khi hàng hoá giao dọc mạn tàu, cầu tàu hoặc xà lan tại cảng vận chuyển được quy định.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

- Lưu kho	- Phí trả cho đại lý vận tải
- Công lưu kho	- Xếp hàng lên tàu
- Đóng gói xuất khẩu	- Vận chuyển bằng đường biển/hàng không
- Phí đóng hàng	- Phí tại nơi đến
- Vận chuyển nội địa	- Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan
- Phí cảng	- Giao hàng tại nơi đến

GHI CHÚ:

FOB GIAO HÀNG TRÊN TÀU (TẠI CẢNG ĐI)

Người bán chịu trách nhiệm cho đến khi hàng hóa được chất xong lên tàu tại cảng bốc.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

- Lưu kho	- Phí trả cho đại lý vận tải
- Công lưu kho	- Vận chuyển bằng đường biển/hàng không
- Đóng gói xuất khẩu	- Phí tại nơi đến
- Phí đóng hàng	- Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan
- Vận chuyển nội địa	- Giao hàng tại nơi đến
- Phí cảng	
- Xếp hàng lên tàu	

GHI CHÚ:

CFR GIÁ THÀNH VÀ CƯỚC

Người bán chịu giá thành và cước cần thiết để vận chuyển hàng hóa đến cảng xác định, tuy nhiên người mua phải chịu mọi rủi ro mất mát và hư hỏng về hàng hóa kể từ khi hàng được chuyển qua hãn lan can tàu ở cảng bốc.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

<ul style="list-style-type: none"> - Lưu kho - Công lưu kho - Đóng gói xuất khẩu - Phí đóng hàng - Vận chuyển nội địa - Phí cảng - Xếp hàng lên tàu - Phí trả cho đại lý vận tải - Vận chuyển bằng đường biển/hàng không 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí tại nơi đến - Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan - Giao hàng tại nơi đến
---	--

GHI CHÚ:

CIF GIÁ THÀNH, BẢO HIỂM VÀ CƯỚC

Giống như CFR (Giá thành và cước), nhưng có thêm một quy định nữa là người bán phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm hàng hóa cho bên mua phòng khi xảy ra rủi ro mất mát hay hư hỏng hàng hoá trong khi vận chuyển.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

<ul style="list-style-type: none"> - Lưu kho - Công lưu kho - Đóng gói xuất khẩu - Phí đóng hàng - Vận chuyển nội địa - Phí cảng - Xếp hàng lên tàu - Phí trả cho đại lý vận tải - Vận chuyển bằng đường biển/hàng không 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí tại nơi đến - Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan - Giao hàng tại nơi đến
---	--

GHI CHÚ:

CPT Cước trả tới điểm đến

Thanh toán tiền hàng và chi phí vận chuyển tại nơi đến. Nếu rủi ro mất hàng xảy ra khi hàng hoá đã được giao qua kho của hãng vận chuyển thứ nhất, thì trách nhiệm đó thuộc về bên mua hàng.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

- Lưu kho	- Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan
- Công lưu kho	- Giao hàng tại nơi đến
- Đóng gói xuất khẩu	
- Phí đóng hàng	
- Vận chuyển nội địa	
- Phí cảng	
- Xếp hàng lên tàu	
- Phí trả cho đại lý vận tải	
- Vận chuyển bằng đường biển/hàng không	
- Phí tại nơi đến	

GHI CHÚ:

CIP Cước và bảo hiểm trả tới điểm đến

Đây là điều kiện mở rộng của CPT, theo đó, bên bán phải mua bảo hiểm hàng hóa cho bên mua, phòng khi xảy ra rủi ro mất mát hay hư hỏng hàng trong khi vận chuyển

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

<ul style="list-style-type: none"> - Lưu kho - Công lưu kho - Đóng gói xuất khẩu - Phí đóng hàng - Vận chuyển nội địa - Phí cảng - Xếp hàng lên tàu - Phí trả cho đại lý vận tải - Vận chuyển bằng đường biển/hàng không - Phí tại nơi đến 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan - Giao hàng tại nơi đến
--	---

GHI CHÚ:

DAF **Giao tại biên giới**

Hàng hóa, sau khi đã hoàn thành các thủ tục xuất khẩu, được giao tại một địa điểm quy định trên biên giới nhưng trước khi vào hải quan của nước kế cận. Bên bán không có nghĩa vụ dỡ hàng khỏi phương tiện vận chuyển.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

<ul style="list-style-type: none"> - Lưu kho - Công lưu kho - Đóng gói xuất khẩu - Phí đóng hàng - Vận chuyển nội địa - Phí cảng - Xếp hàng lên tàu - Phí trả cho đại lý vận tải - Vận chuyển bằng đường biển/hàng không - Phí tại nơi đến 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan - Giao hàng tại nơi đến
--	---

GHI CHÚ:

DES Giao từ tàu chờ hàng nơi đến

Giao hàng cho bên mua trên tàu được xác định trước. Bên bán không có nghĩa vụ làm thủ tục nhập khẩu tại cảng đến, và dỡ hàng khỏi phương tiện vận chuyển.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

<ul style="list-style-type: none"> - Lưu kho - Công lưu kho - Đóng gói xuất khẩu - Phí đóng hàng - Vận chuyển nội địa - Phí cảng - Xếp hàng lên tàu - Phí trả cho đại lý vận tải - Vận chuyển bằng đường biển/hàng không - Phí tại nơi đến 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan - Giao hàng tại nơi đến
--	---

GHI CHÚ:

DEQ Giao tại cầu cảng nơi đến (không trả thuế nhập khẩu)

Giao hàng cho bên mua tại cầu cảng của cảng đến được quy định. Bên bán không có nghĩa vụ làm thủ tục nhập khẩu, và dỡ hàng khỏi phương tiện vận tải.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

<ul style="list-style-type: none"> - Lưu kho - Công lưu kho - Đóng gói xuất khẩu - Phí đóng hàng - Vận chuyển nội địa - Phí cảng - Xếp hàng lên tàu - Phí trả cho đại lý vận tải - Vận chuyển bằng đường biển/hàng không - Phí tại nơi đến 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan - Giao hàng tại nơi đến
--	---

GHI CHÚ:

DDU Giao chưa nộp thuế

Người bán phải chịu rủi ro, phí tổn để thuê phương tiện chở hàng tới nơi quy định để giao cho người mua, trừ việc người bán phải làm thủ tục nhập khẩu và dỡ hàng khỏi phương tiện vận chuyển tại nơi đến.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

- Lưu kho
- Công lưu kho
- Đóng gói xuất khẩu
- Phí đóng hàng
- Vận chuyển nội địa
- Phí cảng
- Xếp hàng lên tàu
- Phí trả cho đại lý vận tải
- Vận chuyển bằng đường biển/hàng không
- Phí tại nơi đến
- Giao hàng tại nơi đến

- Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan

GHI CHÚ:

DDP Giao đã nộp thuế

Đây là điều kiện mở rộng của DDU, theo đó người bán phải chịu rủi ro và chi phí để hoàn thành thủ tục nhập khẩu, đưa hàng đến tận nơi quy định để giao cho người mua. Bên bán không có nghĩa vụ dỡ hàng khỏi phương tiện vận chuyển tại nơi đến.

Trách nhiệm người bán: Trách nhiệm người mua:

<ul style="list-style-type: none"> - Lưu kho - Công lưu kho - Đóng gói xuất khẩu - Phí đóng hàng - Vận chuyển nội địa - Phí cảng - Xếp hàng lên tàu - Phí trả cho đại lý vận tải - Vận chuyển bằng đường biển/hàng không - Phí tại nơi đến - Giao hàng tại nơi đến - Thuế hải quan, thuế và thủ tục khai quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Bên bán chịu mọi trách nhiệm về hàng hóa.
---	---

GHI CHÚ:

Ghi chú:





YÊU CẦU BẢO GIÁ

GỖ ĐOẠN



Yêu cầu báo giá

Thông tin chính xác là một phần quan trọng trong việc đấu thầu và đảm bảo các đơn đặt hàng. Quý khách cần phải nắm được quy mô dự án. Những thông tin quan trọng cần phải được cung cấp cho bên bán để quý khách có thể nhận được bản báo giá đầy đủ và có trách nhiệm.

Mẫu yêu cầu báo giá được trình bày dưới đây. Các mẫu này bao gồm các phần cần thiết áp dụng đối với mua bán gỗ xẻ. Chúng tôi cấp một mẫu báo giá đã được điền thông tin đầy đủ để quý khách tham khảo và cũng có một mẫu trống để quý khách sử dụng khi cần.

>>>



LUMBER QUOTATION FORM

TO:

[Empty box for TO information]

FROM:

[Empty box for FROM information]

Species:

Thickness:

Dryness:

Grade:

Width:

Length:

Quantity:

Delivery Date:

FOB Point/Port of Discharge:

Incoterms:

Payment Terms:

Authorized Signature: Date:

Specifications:

[Empty box for Specifications]

TO:

Fred Green
 Sales Manager
 ABC Lumber Company
 100 First Street
 Pittsburgh, PA 01234
 412-123-4567
 412-345-6700
 Fax 412-345-6789

FROM:

John Smith
 Purchasing Manager
 Specialty Hardwood Cabinets
 900 Main Street
 Antwerp, Belgium
 707-123-4567
 707-345-6700
 Fax 707-345-6789

Species: **Red Oak**
 Thickness: **4/4 and 8/4**
 Dryness: **Kiln Dried; 6% to 8%**
 Grade: **#1 Common**
 Width: **4" and wider**
 Length: **4' and longer**

Quantity: **5x40' per month**
 Delivery Date: **by August 1, 2008**
 FOB Point/Port of Discharge: **Antwerp, Belgium**
 Incoterms: **C.I.F.**
 Payment Terms: **Irrevocable L/C**
 Authorized Signature: **John Smith** Date: **06/01/08**

Specifications:

Green end paint, export strapping, HT skids, export tallies

CÁC NHÀ TÀI TRỢ

Quyển sổ tay này được xuất bản với sự hỗ trợ của các tổ chức sau:

Southern Alleghenies Planning & Development Commission

541 58th Street
Altoona, PA 16602

www.sapdc.org

Điện thoại: +1-814-949-6517



Allegheny Hardwood Utilization Group, Inc. (AHUG)

PO Box 133

Kane, Pennsylvania 16735

www.growthevote.org/ahug

Điện thoại: +1-814-837-8550



North Central Pennsylvania Regional Planning & Development Commission

651 Montmorenci Road

Ridgway, Pennsylvania 15853

www.ncentral.com

Điện thoại: +1-814-773-3162



**Northern Tier Regional Planning
& Development Commission**

312 Main Street
Towanda, Pennsylvania 18848
www.northerntier.org
Điện thoại: +1-888-868-8800



**U.S. Commercial Service
U.S. Department of Commerce**

425 6th Avenue, Suite 2950
Pittsburgh, PA 15219-1819
www.buyusa.gov/pittsburgh
Điện thoại: +1-412-644-2815



**Pennsylvania Hardwoods
Development Council**

2301 North Cameron Street
Harrisburg, Pennsylvania 17110
<http://www.agriculture.state.pa.us/>
Điện thoại: +1-717-772-3715



CÔNG TY

Các công ty sau đây đã cung cấp thông tin trong cuốn sách hướng dẫn này:

Helsel Lumber Mill

3446 Johnstown Road
Rt 164 – Blue Knob
Duncansville, PA 16635
www.helsellumber.com

Điện thoại: +1-814-696-0869



LUMBER MILL INC.

Babcock Lumber Company

P.O. Box 520
Roaring Run Road
Champion, PA 15622
www.babcocklumber.com

Điện thoại: +1-724-593-6124



BABCOCK
LUMBER COMPANY
Since 1887

Bedford Forest Products, Inc

202 Barclay Street
Bedford, PA 15522

Điện thoại: +1-814-977-3712



One Planet

820 Evergreen Ave
Pittsburgh, PA 15209
www.one-planet.net

Điện thoại: +1-412-632-1070



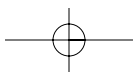
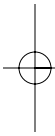
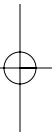
GHI CHÚ:

GHI CHÚ:

GHI CHÚ:



GHI CHÚ:



**Để biết thêm thông tin về gỗ
cứng bang Pennsylvania,
xin vui lòng liên hệ công ty/
tổ chức dưới đây.**

GỖ THÍCH CỨNG

**Để có thêm sách hướng dẫn, xin vui lòng liên hệ:
SAP & DC, Cục hợp tác quốc tế, số điện thoại
+1-814-949-6228**

